

HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI HÀNH VI KINH DOANH HÀNG HÓA NHẬP LẬU

NGUYỄN CHÍ VŨNG*

Kinh doanh hàng hóa nhập lậu là một trong các vi phạm pháp luật phổ biến trong lĩnh vực thương mại. Để đấu tranh với vi phạm này, Nhà nước đã áp dụng nhiều biện pháp khác nhau, trong đó phổ biến là xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu vẫn còn tồn tại bất cập, gây khó khăn cho công tác xử phạt trong thực tiễn. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích một số bất cập trong các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu và đề xuất giải pháp hoàn thiện.

Từ khóa: Xử phạt vi phạm hành chính, hàng hóa nhập lậu, vi phạm hành chính.

Ngày nhận bài: 03/07/2022; Biên tập xong: 17/07/2022; Duyệt đăng: 28/07/2022

Trading smuggled goods is one of the common violations in the field of commerce. To combat this violation, the State has applied different measures including administrative sanctions. However, it has remained several shortcomings on legal provisions on sanctioning administrative violations for trading smuggled goods which makes it difficult to sanction in reality. In this paper, the author analyzes some inadequacies in the legal provisions for sanctioning administrative violations for trading smuggled goods and brings out proposals for improvement.

Keywords: Sanctioning of an administrative violation, trading smuggled goods, administrative violations.

1. Khái quát về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu

Về mặt thuật ngữ, “kinh doanh” là tổ chức việc buôn bán để sinh lời¹. Như vậy, có thể hiểu “kinh doanh hàng hóa” là việc cá nhân, tổ chức thực hiện các hành vi buôn bán hàng hóa nhằm mục đích sinh lời. Tự do kinh doanh là một trong các quyền hiến định được Hiến pháp năm 2013 ghi nhận². Nhà nước khuyến khích các hoạt động kinh doanh hàng hóa hợp pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước, gia tăng việc làm, nâng cao mức thu nhập của người dân.

Tuy nhiên, trước ảnh hưởng của quá trình toàn cầu hóa, nhiều cá nhân, tổ chức

kinh doanh vì chạy theo lợi nhuận đã sẵn sàng thực hiện các vi phạm pháp luật để thu lợi bất chính, trong đó điển hình là hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu.

Theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP), “hàng hóa nhập lậu” gồm các loại sau:

i. Hàng hóa nhập khẩu thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu hoặc tạm ngừng nhập khẩu theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp do Thủ tướng Chính phủ quyết định cho phép nhập khẩu;

ii. Hàng hóa nhập khẩu theo giấy phép mà không có giấy phép nhập khẩu hoặc hàng hóa nhập khẩu theo điều kiện mà không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật;

iii. Hàng hóa nhập khẩu không đi qua cửa khẩu quy định, không làm thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật hoặc gian

¹ Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ (2020), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Hồng Đức, tr. 569.

² Điều 33 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm”.

* Trường Đại học Trà Vinh

lặn số lượng, chủng loại hàng hóa khi làm thủ tục hải quan;

iv. Hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường không có hóa đơn, chứng từ kèm theo quy định của pháp luật hoặc có hóa đơn, chứng từ nhưng hóa đơn, chứng từ là không hợp pháp theo quy định của pháp luật về quản lý hóa đơn;

v. Hàng hóa nhập khẩu theo quy định của pháp luật phải dán tem nhập khẩu nhưng không có tem dán vào hàng hóa theo quy định của pháp luật hoặc có tem dán nhưng là tem giả, tem đã qua sử dụng.

Hiện nay, hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP).

Theo điều khoản này, mức phạt đối với hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu sẽ phụ thuộc vào giá trị của hàng hóa nhập lậu. Cụ thể, phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa nhập lậu có trị giá dưới 3.000.000 đồng; Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa nhập lậu có giá trị từ 3.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng; Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa nhập lậu có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng; Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa nhập lậu có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng; Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa nhập lậu có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng; Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa nhập lậu có giá trị từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng; Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa nhập lậu có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng; Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa nhập lậu có giá trị từ 70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa nhập lậu có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên.

Điều khoản này cũng quy định phạt tiền

gấp hai lần mức tiền phạt đối với hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu nêu trên trong các trường hợp sau đây: *i.* Người vi phạm trực tiếp nhập lậu hàng hóa có giá trị dưới 100.000.000 đồng hoặc từ 100.000.000 đồng trở lên mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; *ii.* Hàng hóa nhập lậu thuộc danh mục cấm nhập khẩu hoặc tạm ngừng nhập khẩu; *iii.* Hàng hóa nhập lậu là thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, chất bảo quản thực phẩm, thuốc phòng bệnh và thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế, hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, thuốc thú y, phân bón, xi măng, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, chất kích thích tăng trưởng, giống cây trồng, giống vật nuôi³.

Bên cạnh phạt tiền, chủ thể thực hiện hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu còn có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đó là tịch thu tang vật đối với hành vi vi phạm hoặc tịch thu phương tiện vận tải vi phạm đối với hành vi vi phạm trong trường hợp tang vật vi phạm có giá trị từ 200.000.000 đồng trở lên⁴. Ngoài ra, để khắc phục hậu quả do hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu gây ra, Nghị định số 98/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP) còn quy định hai biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng đối với vi phạm này gồm: *i.* Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại, hàng hóa không bảo đảm an toàn sử dụng; *ii.* Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm⁵.

2. Bất cập trong các quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu

Thứ nhất, chủ thể bị xử phạt vi phạm hành

³ Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP).

⁴ Khoản 4 Điều 15 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP).

⁵ Khoản 5 Điều 15 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP).

chính về hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu còn chưa được quy định rõ ràng

Khoản 1 Điều 5 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính gồm cá nhân và tổ chức. Theo hướng dẫn của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, tổ chức được xác định là chủ thể thực hiện hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu bị xử phạt khi có đủ các điều kiện sau đây: *i. Tổ chức đó là pháp nhân theo quy định của pháp luật dân sự hoặc các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật; ii. Hành vi do người đại diện, người được giao nhiệm vụ nhân danh tổ chức hoặc người thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của tổ chức*⁶.

Đối với điều kiện *i.* thì việc xác định tương đối dễ dàng khi tổ chức là pháp nhân theo quy định của pháp luật dân sự hoặc các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật đều sẽ có các giấy tờ pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp để cho phép tổ chức được thành lập. Chẳng hạn: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập tổ chức...

Đối với điều kiện *ii.*, nếu hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu “do người đại diện, người được giao nhiệm vụ nhân danh tổ chức thực hiện” thì việc xác định tổ chức là đối tượng thực hiện hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu tương đối dễ dàng do việc giao cho một cá nhân làm người đại diện, người được giao nhân danh tổ chức đều có văn bản thể hiện rõ ràng. Thế nhưng, đối với hành vi “do người thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của tổ chức” thì lại không dễ xác định. Nhất là khi sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của tổ chức không thể hiện bằng văn bản mà thể hiện theo chỉ đạo bằng lời nói của người đại diện tổ chức.

Thực tế đã chứng minh có nhiều vụ lực lượng quản lý thị trường phát hiện công ty có hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu. Khi làm việc, Giám đốc công ty khẳng định hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu là do nhân viên của công ty tự ý trộn hàng nhập lậu vào để bán chứ sản phẩm của công ty nhập về đều

có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có đầy đủ hóa đơn chứng từ. Trong tình huống này, rõ ràng hành vi buôn bán mỹ phẩm nhập lậu diễn ra tại trụ sở của công ty nhưng để xác định công ty là đối tượng vi phạm thì không đơn giản do không đủ cơ sở chứng minh hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu do người thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của tổ chức. Trong khi nghĩa vụ chứng minh vi phạm lại thuộc về cơ quan chức năng, người có thẩm quyền xử phạt chứ không phải nghĩa vụ của đối tượng vi phạm.

Thứ hai, chưa có sự phân định rõ ràng giữa xử phạt vi phạm hành chính và xử lý hình sự đối với trường hợp người vi phạm trực tiếp nhập lậu hàng hóa có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên

Như đã nêu, Điều 15 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP) quy định mức phạt tiền đối với hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu căn cứ vào giá trị hàng hóa nhập lậu. Trong đó, mức phạt tiền cao nhất từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng áp dụng đối với trường hợp kinh doanh hàng hóa nhập lậu có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên⁷.

Tuy nhiên, đối với trường hợp chủ thể kinh doanh hàng hóa nhập lậu “trực tiếp nhập lậu hàng hóa” thì điểm a khoản 2 Điều 15 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP) sẽ phạt tiền gấp 02 lần, từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với “**Người vi phạm trực tiếp nhập lậu hàng hóa có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự**”.

Trong khi đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (sau đây gọi tắt là BLHS năm 2015), người nào buôn bán qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái pháp luật hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Như vậy, trong trường hợp chủ thể vi

⁶ Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

⁷ Điểm I khoản 1 Điều 15 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP).

phạm trực tiếp nhập lậu hàng hóa có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên để kinh doanh thì có thể bị xử lý theo một trong hai cách sau đây: *Một là*, truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 188 BLHS năm 2015 về tội buôn lậu; *Hai là*, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu nếu không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tuy nhiên, câu hỏi có tính thực tiễn đặt ra là trường hợp nào chủ thể vi phạm trực tiếp nhập lậu hàng hóa có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì lại không được quy định một cách rõ ràng. Do vậy, trên thực tế, khi chủ thể có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phát hiện cá nhân, tổ chức có hành vi trực tiếp nhập lậu hàng hóa có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên thì không thể xử phạt ngay mà phải chuyển hồ sơ vụ việc cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự xem xét. Điều đáng nói là cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự cũng không có căn cứ pháp lý cụ thể để trả lời trường hợp nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trường hợp nào sẽ không truy cứu. Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chậm trả lời trong việc xác định có dấu hiệu hình sự hay không còn có thể dẫn đến quá thời hiệu xử phạt⁸ đối với hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu, hệ quả xảy ra là chủ thể có thẩm quyền sẽ không thể xử phạt đối với vi phạm này được nữa⁹.

Thứ ba, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu của một số chủ thể bị vô hiệu hóa bởi giới hạn về thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả

Thẩm quyền xử phạt là một nội dung quan trọng khi xử phạt vi phạm hành chính nói chung và xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu

nói riêng. Nếu việc xử phạt không thực hiện đúng thẩm quyền thì sẽ không có giá trị pháp lý. Hiện nay, Nghị định số 98/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP) quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu cho khá nhiều chủ thể khác nhau gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Quản lý thị trường, Công an nhân dân, Hải quan, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Thanh tra. Việc mở rộng thẩm quyền xử phạt cho nhiều đối tượng khác nhau thể hiện quyết tâm của Nhà nước trong việc đấu tranh, phòng, chống đối với vi phạm phổ biến này. Tuy nhiên, số lượng chủ thể có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu lại ít hơn nhiều so với quy định của Nghị định số 98/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP).

Như đã phân tích, hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền, bên cạnh đó còn áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật đối với hành vi vi phạm hoặc tịch thu phương tiện vận tải vi phạm đối với hành vi vi phạm trong trường hợp tang vật vi phạm có giá trị từ 200.000.000 đồng trở lên. Ngoài ra, hành vi này còn bị áp dụng 02 biện pháp khắc phục hậu quả gồm: *i*. Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại, hàng hóa không bảo đảm an toàn sử dụng; *ii*. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.

Theo quy định tại Điều 52 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), để xác định chủ thể có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu cần phải bảo đảm chủ thể này phải có quyền áp dụng tất cả các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả tại Điều 15 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP). Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định vượt quá thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt.

Nếu căn cứ vào mức tiền phạt thì một số

⁸ Điểm c khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: “Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính”.

⁹ Nguyễn Văn Duy (2022), “Pháp luật xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi buôn bán hàng giả về giá trị sử dụng, công dụng và một số kiến nghị hoàn thiện”, Tạp chí Giáo dục và xã hội, số đặc biệt kỳ 2 tháng 6, tr. 283.

chức danh như Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thể xử phạt đối với hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP) khi các hành vi này có mức phạt là từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng, từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng. Thế nhưng, khi hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu có phát sinh số lợi bất hợp pháp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã không thể áp dụng biện pháp “*buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp*” nên kết quả là không thể xử phạt đối với hành vi này. Đối với các chức danh khác không có thẩm quyền áp dụng biện pháp “*buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp do thực hiện hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu*” như Trưởng Công an cấp xã, Trưởng Công an cấp huyện, Tổ trưởng thuộc Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì cũng không thể xử phạt đối với hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu.

3. Giải pháp hoàn thiện

Thứ nhất, để giúp cơ quan chức năng dễ dàng xác định được đối tượng vi phạm khi thực hiện hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu, tác giả cho rằng cần nêu rõ cách thức xác định hành vi của tổ chức vi phạm. Đối với trường hợp hành vi vi phạm hành chính do người thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của tổ chức thì cần bổ sung thêm điều kiện phải thể hiện “*bằng văn bản*”. Trong trường hợp không có văn bản thì xác định hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu do cá nhân thực hiện và xử phạt như đối với cá nhân.

Vì thế, để xác định tổ chức thực hiện hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu bị xử phạt cần có các điều kiện sau:

“- Là pháp nhân hoặc tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật;

- Hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu do người đại diện, người được giao nhiệm vụ nhân danh tổ chức hoặc người thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận bằng văn bản của tổ chức”.

Thứ hai, trách nhiệm hành chính và trách nhiệm hình sự là hai trách nhiệm pháp lý

hoàn toàn khác biệt về tính chất, mức độ. Để xác định đúng loại trách nhiệm pháp lý áp dụng đối với chủ thể vi phạm trực tiếp nhập lậu hàng hóa có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên để kinh doanh, tác giả cho rằng Chính phủ cần quy định rõ trường hợp nào cá nhân, tổ chức có hành vi trực tiếp nhập lậu hàng hóa có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên mà “*không bị truy cứu trách nhiệm hình sự*” để từ đó người có thẩm quyền căn cứ thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trên thực tế. Việc phân định một cách rõ ràng trường hợp nào vi xử phạt vi phạm hành chính, trường hợp nào bị xử lý hình sự có ý nghĩa rất quan trọng trong việc xác định đúng trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể vi phạm, vừa bảo đảm các quyền lợi chính đáng của người vi phạm, giảm thiểu tình trạng tùy tiện, chủ quan duy ý chí từ phía các chủ thể có thẩm quyền.

Thứ ba, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định việc xây dựng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính phải căn cứ vào các yêu cầu sau đây: (i) Phải gây ra hậu quả hoặc có khả năng thực tế gây ra hậu quả; (ii) Đáp ứng yêu cầu khôi phục lại trật tự quản lý hành chính nhà nước do vi phạm hành chính gây ra; (iii) Phải được mô tả rõ ràng, đầy đủ, cụ thể để có thể thực hiện được trong thực tiễn và phải bảo đảm tính khả thi¹⁰. Do đó, để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xử phạt và phát huy giá trị của các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hoạt động xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu, thiết nghĩ các nhà làm luật cần xem xét mở rộng thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả cho các chức danh có thẩm quyền ở cơ sở (điển hình như Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng Công an cấp xã, Trưởng Công an cấp huyện, Tổ trưởng thuộc Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...) để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn quản lý, tăng cường hiệu quả xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu¹¹./.

¹⁰ Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

¹¹ Nguyễn Nhật Khanh, Nguyễn Công Tây (2022), “Thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong pháp luật xử phạt vi phạm hành chính”, Tạp chí Pháp luật và thực tiễn, số 50, tr. 66.